TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 07/2024/HSST
Ngày 31/01/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.

2.Ông Y Ník Êban.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Nguyễn Thị Hà Hương– Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: bà Giản Thị Chung– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2023/HSST ngày 25/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 19/01/2024 đối với bị cáo:

Lê Thị Thanh L, sinh năm 1971; Giới tính: Nữ. Nơi sinh: thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: thôn 1B, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: lớp 02/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt nam. Con ông Lê L (đã chết) và con bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1947. Chồng là Lê Văn C, sinh năm 1970, (bị cáo và chồng không sống chung với nhau từ nhiều năm nay) và có 02 con (con lớn sinh năm 1991 đã chết, con nhỏ sinh năm 1992). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Ly L1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ dân phố 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Trần Thị L2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thôn 1A, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thúy Á, sinh năm 1973. Nơi cư trú: thôn A, xã H, huyện K, tỉnh

Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Đang P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1948. Nơi cư trú: buôn M, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Vũ Thị N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người làm chứng:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1980. Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Quý N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn 1B, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Lại Thị L3, sinh năm 1950. Nơi cư trú: tổ dân phố 3A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: tổ dân phố 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1972. Nơi cư trú: tổ dân phố 3A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Phạm Thị P, sinh năm 1987. Nơi cư trú: thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2021, Lê Thị Thanh L thấy việc cho người dân vay tiền với lãi suất cao nhanh thu lợi nên L đã nảy sinh ý định cho vay lãi nặng đối với một số người dân sinh sống trên địa bàn huyện K và bắt đầu hoạt động cho vay từ năm 2021 đến tháng 9/2023. Do người vay tiền đều ở cùng địa phương và có quen biết nên L không giữ giấy tờ, tài sản của người vay tiền. Khi cho vay, L quy định về lãi suất và cách thức cho vay tiền như sau: Đối với hình thức vay tiền đứng thì hàng ngày người vay phải đóng tiền lãi cho L với mức lãi suất thỏa thuận 5.000^{đ}/triệu/ngày (tương ứng với lãi suất 182,5%/năm). Đối với hình thức vay tiền góp, nếu khách vay 3.000.000^{đ} thì góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000^{đ} tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm); nếu khách vay 5.000.000^{đ} thì góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000^{đ} tiền gốc, đến ngày cuối cùng thì L thu thêm 500.000^{đ} tiền lãi (tương ứng với lãi suất 146%/năm) hoặc góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000^{đ} tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm), không thu phí. Khi bắt đầu hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao, L sử dụng số tiền gốc ban đầu là 40.000.000^{đ} để cho vay, sau khi thu được tiền gốc và lãi thì L tiếp tục sử dụng tiền này cho những người khác vay tiếp

để thu lợi. Quá trình cho vay, L sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno4, có gắn thẻ sim số 0947006278 và số 0815183938 để liên lạc trao đổi về việc vay tiền. Qua điều tra xác định L cho nhiều người vay tiền nhưng chỉ xác định được tên, tuổi, địa chỉ, số tiền cho vay và số tiền thu lợi bất chính đối với 07 người, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của L 12 lần, cụ thể:

- Từ tháng 6/2022 đến tháng 01/2023 vay 08 lần vay, mỗi một lần vay là 3.000.000đ, góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ 24.000.000đ tiền gốc và 2.400.000đ tiền lãi. Trong đó, tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 433.972đ. Như vậy, số tiền L đã thu lợi bất chính là 2.400.000đ – 433.972đ = **1.966.028đ**.

- Vào tháng 02 và tháng 3/2023, bà Nguyễn Thị Kim Đ vay **02 lần,** mỗi lần vay là 5.000.000đ, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 243,3%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ số tiền gốc 10.000.000đ và 2.000.000đ tiền lãi. Trong đó, tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 164.384đ. Như vậy, số tiền L đã thu lợi bất chính là 2.000.000đ-164.384đ= **1.835.616đ**.

- Lần 11: Vào khoảng tháng 04/2023, bà Nguyễn Thị Kim Đ vay 7.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 104,2%/năm). Khoản vay này, L đã thu được 02 ngày với số tiền 600.000đ (gồm tiền gốc là 560.000đ và 40.000đ tiền lãi). Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 7.617đ, như vậy số tiền L thu lợi bất chính 40.000đ – 7.617đ = **32.329đ.** Còn nợ lại số tiền gốc 6.440.000đ thì L làm tròn, tính tiền gốc còn nợ lại là 6.400.000đ.

- Lần 12: Sau lần vay thứ 11, bà Nguyễn Thị Kim Đ còn nợ lại tiền vay gốc là 6.400.000đ, do không có khả năng chi trả nên xin chuyển sang hình thức vay tiền đứng với lãi suất 600.000đ/ 01 tháng (tương ứng với lãi suất 112,5%/năm). Khoản vay này, bà Nguyễn Thị Kim Đ đã trả được 05 tháng tiền lãi với số tiền 3.000.000đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 533.330đ, như vậy số tiền L thu lợi bất chính là 3.000.000đ– 533.330đ = **2.466.670đ**, còn nợ lại 6.400.000đ tiền gốc.

Như vậy, L đã cho bà Nguyễn Thị Kim Đ vay 12 lần với tổng số tiền gốc cho vay là **41.000.000đ**, **số tiền gốc còn nợ là 6.400.000đ**. Tổng tiền lãi thu được là 7.440.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **1.139.357đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **6.300.643đ.**

2. Bà Nguyễn Thị Ly L1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ dân phố 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của L 02 lần, cụ thể:

Vào khoảng tháng 7 và tháng 8/2023, bà Nguyễn Thị Ly L1 vay **02 lần**, mỗi lần vay 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc, ngày cuối cùng

khi thu đủ tiền vay thì L thu 500.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 146%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ với số tiền 11.00.000đ cả gốc và lãi.

Như vậy, L đã cho bà Nguyễn Thị Ly L1 vay 02 lần với tổng số tiền cho vay là **10.000.000đ**, tổng tiền lãi thu được là 1.000.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **136.986đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **863.014đ.**

3. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: thôn 1A, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của L 06 lần, cụ thể:

- Khoảng từ tháng 4 đến tháng 7/2023, bà Trần Thị L2 vay **04 lần**, mỗi lần vay 3.000.000đ, góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Các khoản vay này, Lê Thị Thanh L đã thu đủ số tiền gốc là 12.000.000đ và tiền lãi là 1.200.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 216.988đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000đ- 216.988đ= **983.012đ.**

- ***Lần 5***: Khoảng tháng 8/2023, bà Trần Thị L2 vay 3.000.000đ góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Khoản vay này, Lê Thị Thanh L đã thu được 02 ngày với số tiền là 200.000đ, trong đó số tiền gốc là 181.818đ và 18.182đ tiền lãi. Tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 3.288đ, như vậy Lê Thị Thanh L đã thu lợi bất chính số tiền 18.182đ – 3.288đ = **14.894đ**.

- ***Lần 6:*** Sau lần vay thứ 5, bà Trần Thị L2 góp được 02 ngày với số tiền là 200.000đ, còn nợ lại 31 ngày với số tiền là 3.100.000đ, do không có khả năng chi trả nên xin chuyển sang hình thức vay tiền đứng, với mức lãi suất là 5.000đ/01 triệu đồng/01 ngày (tương ứng với lãi suất 185,5%/năm). Khoản vay này Lê Thị Thanh L đã thu được 20 ngày tiền lãi với số tiền 300.000đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 33.973đ, thu lợi bất chính số tiền 300.000đ – 33.973đ = **266.027đ.** Còn nợ lại tiền gốc là 3.100.000đ.

Như vậy, Lê Thị Thanh L đã cho bà Trần Thị L2 vay 06 lần với tổng số tiền gốc là **15.100.000đ**, **số tiền gốc còn nợ là 3.100.000đ**. Tổng số tiền lãi thu được là 1.518.182đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **254.249đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **1.263.933đ.**

4. Bà Huỳnh Thúy Á, sinh năm 1973. Nơi cư trú: thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của L 10 lần. Trong đó: có 08 lần cho vay lãi nặng, còn 02 lần chưa vượt mức 05 lần theo quy định, cụ thể:

- Từ tháng 6 đến tháng 9/2022 và tháng 4/2023, bà Huỳnh Thúy Á vay **04 lần**, mỗi lần vay 3.000.000đ, góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ số tiền gốc là 12.000.000đ và tiền lãi là 1.200.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 216.988đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000đ- 216.988đ= **983.012đ.**

- Từ tháng 02 đến tháng 3/2023, bà Huỳnh Thúy Á vay **02 lần**, mỗi lần vay 2.000.000đ, góp trong 22 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 165,9%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ số tiền gốc là 4.000.000đ và tiền lãi là 400.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 48.220đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 400.000đ- 48.220đ = **351.780đ.**

- Khoảng tháng 5/2023, bà Huỳnh Thúy Á vay **02 lần**, mỗi lần vay 4.000.000đ góp trong 22 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 165,9%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ số tiền gốc là 8.000.000đ và tiền lãi là 800.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 96.438đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 800.000đ-96.438đ = **703.562đ.**

- Lần 9: khoảng đầu tháng 6/2023, bà Á vay số tiền 7.000.000đ, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 250.000đ tiền gốc và lãi. Nếu thu đủ thì L sẽ thu được 7.500.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 86,9%/năm), lần vay này không vượt lãi suất quy định của tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Khoản vay này, L đã thu được 05 ngày với số tiền là 1.250.000đ, trong đó số tiền gốc là 1.166.666đ, còn nợ số tiền gốc là 5.833.334đ.

- Lần 10: khoản nợ gốc còn lại của lần vay thứ 9, do không có khả năng chi trả nên xin chuyển sang hình thức vay tiền đứng với mức lãi suất 50.000đ/ 01triệu/ 01tháng (tương ứng với lãi suất 60%/năm). Tuy nhiên, khoản vay này L chưa thu được số tiền gốc và lãi nào.

Như vậy, L đã cho bà Huỳnh Thúy Á vay 08 lần (cho vay lãi nặng) với tổng số **tiền gốc là 24.000.000đ**. Tổng số tiền lãi thu được là 2.400.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **361.646đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **2.038.354đ.**

5. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Buôn M, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của L 17 lần, cụ thể:

- Từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2023, bà Nguyễn Thị Kim C vay **15 lần**, mỗi lần vay 3.000.000đ, góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ số tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi 4.500.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 813.705đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 4.500.000đ- 813.705đ = **3.686.295đ.**

- Lần 16: Ngày 22/7/2023 (âm lịch) tức ngày 06/9/2023, bà Nguyễn Thị Kim C vay 3.000.000đ, góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Góp được 21 ngày thì bà Nguyễn Thị Kim C tất toán khoản vay nên L đã thu đủ 3.000.000đ tiền gốc và 300.000đ tiền lãi, trong đó: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 34.520đ, số tiền thu lợi bất chính là 300.000đ- 34.520đ = **265.480đ.**

- Lần 17: Ngày 26/9/2023, bà Nguyễn Thị Kim C vay 3.000.000đ, góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Khoản

vay này, L đã thu được 02 ngày với số tiền 200.000đ, trong đó: tiền gốc là 181.818đ và 18.182đ tiền lãi, gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 3.288đ, số tiền thu lợi bất chính là 18.182đ- 3.288đ = **14.894đ.**

Như vậy, L đã cho bà Nguyễn Thị Kim C vay 17 lần, tổng số tiền gốc là **51.000.000đ, số tiền gốc còn nợ là 2.818.182đ**. Tổng số tiền lãi thu được là 4.818.812đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **851.513đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **3.966.669đ.**

6. Bà Phạm Thị Đang P, sinh năm 1971. Nơi cư trú: thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay của L 14 lần. Trong đó: có 12 lần cho vay lãi nặng, còn 02 lần chưa vượt mức 05 lần theo quy định, cụ thể:

- Từ tháng 6/2022 đến tháng 6/2023, bà Phạm Thị Đang P vay **12 lần**, mỗi lần vay 5.000.000đ, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc, khi thu đủ tiền gốc, ngày cuối cùng L thu 500.000đ tiền lãi của mỗi lần vay (tương ứng với lãi suất 146%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ số tiền 60.000.000đ tiền gốc và 6.000.000đ tiền lãi, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 821.916đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000đ – 821.916đ = **5.178.084đ.**

- Lần 13: Khoảng tháng 7/2023, bà Phượng vay 10.000.000đ, góp trong 37 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, đến ngày thứ 37 thì Loan chỉ thu 200.000đ, như vậy nếu thu đủ 37 ngày thì Loan thu được 10.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 98,64%/năm). Khoản vay này, Loan đã thu đủ cả tiền gốc và tiền lãi với số tiền là 11.000.000đ.

- Lần 14: Vào khoảng tháng 8/2023, bà Phạm Thị Đang P vay 10.000.000đ, góp trong 37 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, đến ngày thứ 37 thì L chỉ thu 200.000đ, như vậy nếu thu đủ 37 ngày thì L thu được 10.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 98,64%/năm). Khoản vay này, L đã thu được 7.500.000đ tiền gốc, bà Phạm Thị Đang P còn nợ lại 2.500.000đ tiền gốc.

Như vậy, L đã cho bà Phạm Thị Đang P vay 12 lần (cho vay lãi nặng), với tổng số tiền gốc **là 60.000.000đ**. Tổng số tiền lãi thu được là 6.000.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **821.916đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **5.178.084đ.**

7. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện K vay của L 30 lần, cụ thể:

- Từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022, bà Vũ Thị N vay **06 lần**, mỗi lần vay 3.000.000đ, góp trong 33 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với lãi suất 110,6%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ số tiền gốc là 18.000.000đ và tiền lãi 1.800.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 325.482đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.800.000đ- 325.482đ = **1.474.518đ.**

- Từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023, bà Vũ Thị N vay **24 lần**, mỗi lần vay 5.000.000đ, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ cả gốc và lãi (tương ứng với

lãi suất 243,3%/năm). Trong 24 lần vay này, thì L đã thu đủ 23 lần với tổng số tiền thu gốc là 115.000.000đ và 23.000.000đ tiền lãi, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là 1.890.416đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 23.000.000đ- 1.890.416đ = **21.109.584đ.** Riêng lần vay thứ 30, bà Vũ Thị N chưa trả được số tiền gốc và lãi nào, còn nợ tiền gốc là 5.000.000đ.

Như vậy, L đã cho bà Vũ Thị N vay 30 lần, với tổng số tiền gốc là **138.000.000đ, số tiền gốc còn nợ là 5.000.000đ**. Tổng số tiền lãi thu được là 24.800.000đ, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **2.215.898đ**, tổng số tiền thu lợi bất chính là **22.584.102đ.**

Tổng số tiền gốc L cho **07** người vay từ năm 2022 đến tháng 9 năm 2023 là **339.100.000đ**, số tiền gốc đã thu được là **321.781.818đ**, số tiền gốc người vay còn nợ là **17.318.182đ**. Tổng số tiền lãi thu được là **47.976.994đ**, trong đó: tổng tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là **5.781.511đ**, tổng số tiền L thu lợi bất chính là **42.194.853đ** (bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Oppo Reno4, màu xanh, gắn thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0947006278 và số thuê bao 0815183938.

*** Quá trình điều tra vụ án, còn xác định:** Lê Thị Thanh L cho 07 người vay tiền, trong đó: có người không thỏa thuận tính lãi do có mối quan hệ bạn bè thân quen, có người vay với lãi suất cao hơn lãi suất quy định của Bộ luật dân sự nhưng mức lãi suất chưa vượt quá 05 (năm) lần theo quy định để cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể:

- **Bà Nguyễn Thị D**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tổ dân phố 2B, thị trấn K, huyện K vay 02 lần: khoảng tháng 7/2021, bà Nguyễn Thị D vay 5.000.000đ với hình thức vay tiền đứng với lãi suất là 300.000đ/tháng (tương ứng với lãi suất 72%/năm). Khoản vay này, L đã thu đủ với số tiền 5.300.000đ cả gốc và lãi; khoảng tháng 9/2021, bà Nguyễn Thị D vay 5.000.000đ với hình thức vay tiền đứng với lãi suất 300.000đ/tháng (tương ứng với lãi suất 72%/năm). Khoản vay này, do bà Nguyễn Thị D không có tiền trả nên đã thỏa thuận không thu lãi và bà Nguyễn Thị D đã trả 500.000đ tiền gốc, còn nợ lại 4.500.000đ tiền gốc.

- **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn C, xã K, huyện K vay 01 lần: Vào tháng 7/2023, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 3.000.000đ, không có lãi. Khoản vay này, bà Nguyễn Thị T đã trả cho L được số tiền 500.000đ, còn nợ lại 2.500.000đ tiền gốc.

- **Bà Phạm Thị P (tên gọi khác là T)**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: thôn Đ, xã K, huyện K vay 01 lần: Tháng 4/2023, bà Phạm Thị P vay số tiền 5.000.000đ, không có lãi. Khoản vay này, bà Phạm Thị P đã trả đủ cho L.

- **Bà Nguyễn Thị Quý N**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn 1B, xã N, huyện K vay 01 lần: Ngày 20/9/2023, bà Nguyễn Thị Quý N vay số tiền là 3.000.000đ, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ, không tính lãi. Khoản vay này, bà Nguyễn Thị Quý N đã trả số tiền 500.000đ, còn nợ L số tiền 2.500.000đ tiền gốc.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: tổ dân phố 3A, thị trấn K, huyện K vay 01 lần: Ngày 01/8/2023, bà Phạm Thị N vay số tiền 3.000.000đ, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ, không tính lãi. Khoản vay này, bà Phạm Thị N đã trả đủ 3.000.000đ tiền gốc.

- Bà Lại Thị L3, sinh năm 1950. Nơi cư trú: tổ dân phố 3A, thị trấn K, huyện K vay 01 lần: Ngày 19/9/2023, bà Lại Thị L3 vay là 3.000.000đ, góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 100.000đ, không tính lãi. Khoản vay này, bà Lại Thị L3 đã trả 600.000đ, còn nợ L số tiền 2.400.000đ tiền gốc.

- Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: tổ dân phố 2B, thị trấn K, huyện K vay 06 lần, cụ thể: Từ tháng 10/2022 đến tháng 4/2023, ông Nguyễn Hữu M vay **04 lần**, mỗi lần vay 10.000.000đ, góp trong 37 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, đến ngày thứ 37 thì L chỉ thu 200.000đ, như vậy nếu thu đủ 37 ngày thì L thu được 10.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 98,64%/năm). Các khoản vay này, L đã thu đủ cả tiền gốc và tiền lãi với số tiền là 44.000.000đ.

Ngày 02/9/2023, ông Nguyễn Hữu M vay 10.000.000đ, góp trong 37 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, đến ngày thứ 37 L chỉ thu 200.000đ, như vậy nếu thu đủ 37 ngày thì L thu được 10.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 98,64%/năm). Khoản vay này, ông Nguyễn Hữu M đã góp được 17 ngày (từ ngày 02/9/2023 đến ngày 19/9/2023) được số tiền 5.100.000đ, còn nợ L 5.900.000đ.

Ngày 20/9/2023, từ số tiền còn nợ L 5.900.000đ nêu trên, ông Nguyễn Hữu M mượn thêm cho đủ 10.000.000đ, thỏa thuận góp trong 37 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, đến ngày thứ 37 thì Loan chỉ thu 200.000đ, như vậy nếu thu đủ 37 ngày thì L thu được 10.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 98,64%/năm). Khoản vay này, ông Nguyễn Hữu M mới góp được 05 ngày với số tiền 1.500.000đ.

*** Đối với các khoản vay chưa vượt từ gấp 05 (năm) lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự sẽ không xử lý trong vụ án này là phù hợp.**

- Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thanh L khai nhận: toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo L xác định: từ năm 2022 đến tháng 9/2023, bị cáo cho 07 (bảy) người vay với mức lãi suất từ 110,6%/ năm đến 243,4%/năm với tổng số tiền gốc cho vay là 339.100.000đ (ba trăm ba mươi chín triệu một trăm nghìn đồng), số tiền gốc đã thu được là 321.781.818đ, số tiền gốc người vay còn nợ là 17.318.182đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 42.194.853đ (bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm năm mươi ba đồng). Quá trình giao dịch vay và thu tiền gốc, lãi bị cáo sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno4, có gắn thẻ sim số 0947006278 và số 0815183938 để liên lạc với người vay.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 25/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Lê Thị Thanh L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao

dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo Lê Thị Thanh L đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thanh L, phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt: Lê Thị Thanh L: từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: đề nghị phạt bị cáo Lê Thị Thanh L số tiền là: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật, tiền liên quan đến hành vi phạm tội: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên truy thu buộc bị cáo Lê Thị Thanh L phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được là 321.781.818đ (ba trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm mười tám đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo L thu của người vay là 5.781.511đ (năm triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm mười một đồng). Tổng cộng bị cáo L phải nộp số tiền là 327.563.329đ (ba trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Oppo Reno4, màu xanh, gắn thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0947006278 và số thuê bao 0815183938 là công cụ bị cáo dùng phạm tội.

- Buộc những người vay phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền vay còn nợ bị cáo L với tổng số tiền là 17.318.182đ, cụ thể: bà Nguyễn Thị Kim Đ phải nộp số tiền 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); bà Trần Thị L2 phải nộp số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng); bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp số tiền 2.818.182đ (hai triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng) và bà Vũ Thị N phải nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Thanh L phải trả cho người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là 42.194.853đ (bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm năm mươi ba đồng), cụ thể: Trả cho bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền 6.300.643đ (sáu triệu ba trăm nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Ly L1 số tiền 863.014đ (tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng); trả cho bà Trần Thị L2 số tiền 1.263.933đ (một triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm ba mươi ba đồng); trả cho bà Huỳnh Thúy Á số tiền 2.038.354đ (hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi tư đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 3.966.669đ (ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng); trả cho bà Phạm Thị Đang P số tiền 5.178.084đ (năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi tư đồng) và trả cho bà Vũ Thị N

số tiền 22.584.102đ (hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi tư nghìn một trăm lẻ hai đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và không tranh luận gì thêm. Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Lê Thị Thanh L tỏ thái độ ăn năn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: từ năm 2022 đến tháng 9/2023, bị cáo cho 07 (bảy) người vay với mức lãi suất từ 110,6%/ năm đến 243,4%/năm với tổng số tiền gốc cho vay là 339.100.000đ (ba trăm ba mươi chín triệu một trăm nghìn đồng), số tiền gốc đã thu được là 321.781.818đ, số tiền gốc người vay còn nợ là 17.318.182đ. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 42.194.853đ (bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, an toàn công cộng, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Lê Thị Thanh L, về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Do đó, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xảy ra trong đời sống xã hội có chiều hướng gia tăng, là hiểm họa gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, khiến cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn cùng cực. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự phạt tiền bổ sung đối với bị cáo và chấp nhận mức đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[5] **Về xử vật, tiền liên quan đến hành vi phạm tội:** Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Oppo Reno4, màu xanh, gắn thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0947006278 và số thuê bao 0815183938 là công cụ bị cáo dùng phạm tội, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/01/2024 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Tuyên truy thu buộc bị cáo Lê Thị Thanh L phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được là **321.781.818đ** (ba trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm mười tám đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo L thu của người vay là **5.781.511đ** (năm triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm mười một đồng). Tổng cộng bị cáo L phải nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền là **327.563.329đ** (ba trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

- Buộc những người vay phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền vay còn nợ bị cáo L với tổng **số tiền là 17.318.182đ**, cụ thể: bà Nguyễn Thị Kim Đ phải nộp số tiền 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); bà Trần Thị L2 phải nộp số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng); bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp số tiền 2.818.182đ (hai triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng) và bà Vũ Thị N phải nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Thanh L phải trả cho người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là **42.194.853đ** (bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm năm mươi ba đồng), cụ thể: Trả cho bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền 6.300.643đ (sáu triệu ba trăm nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Ly L1 số tiền 863.014đ (tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng); trả cho bà Trần Thị L2 số tiền 1.263.933đ (một triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm ba mươi ba đồng); trả cho bà Huỳnh Thúy Á số tiền 2.038.354đ (hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi tư đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 3.966.669đ (ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng); trả cho bà Phạm Thị Đang P số tiền 5.178.084đ (năm triệu một

trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi tư đồng) và trả cho bà Vũ Thị N số tiền 22.584.102đ (hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi tư nghìn một trăm lẻ hai đồng).

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Lê Thị Thanh L, phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[1] Xử phạt: bị cáo Lê Thị Thanh L: 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Ea Kar nhận được Quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lê Thị Thanh L cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong 01 tuần.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Lê Thị Thanh L số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Bị cáo L phải nộp một lần tiền để sung công quỹ Nhà nước ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Xử lý vật, tiền liên quan đến hành vi phạm tội: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Oppo Reno4, màu xanh, gắn thẻ sim mạng Vinaphone, số thuê bao 0947006278 và số thuê bao 0815183938 là công cụ bị cáo dùng phạm tội, có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/01/2024 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Tuyên truy thu buộc bị cáo Lê Thị Thanh L phải nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền dùng để cho vay đã thu được là **321.781.818đ** (ba trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm mười tám đồng) và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là **5.781.511đ** (năm triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm mười một đồng). Tổng cộng bị cáo L phải nộp sung

công quỹ Nhà nước số tiền là **327.563.329đ** (ba trăm hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

- Buộc những người vay phải nộp để sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền là 17.318.182đ, cụ thể: bà Nguyễn Thị Kim Đ phải nộp số tiền 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng); bà Trần Thị L2 phải nộp số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng); bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp số tiền 2.818.182đ (hai triệu tám trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng) và bà Vũ Thị N phải nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Thanh L phải trả cho người vay tổng số tiền thu lợi bất chính là 42.194.853đ (bốn mươi hai triệu một trăm chín mươi tư nghìn tám trăm năm mươi ba đồng), cụ thể: Trả cho bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền 6.300.643đ (sáu triệu ba trăm nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Ly L1 số tiền 863.014đ (tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng); trả cho bà Trần Thị L2 số tiền 1.263.933đ (một triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm ba mươi ba đồng); trả cho bà Huỳnh Thúy Á số tiền 2.038.354đ (hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi tư đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền 3.966.669đ (ba triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng); trả cho bà Phạm Thị Đang P số tiền 5.178.084đ (năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi tư đồng) và trả cho bà Vũ Thị N số tiền 22.584.102đ (hai mươi hai triệu năm trăm tám mươi tư nghìn một trăm lẻ hai đồng).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo Lê Thị Thanh L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận
-TAND tỉnh Đắk Lắk.
-Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
-Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
-VKSND huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện K.
-Công an huyện Ea Kar.
-Cơ quan THAHS huyện Ea Kar.
-Bị cáo-đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.